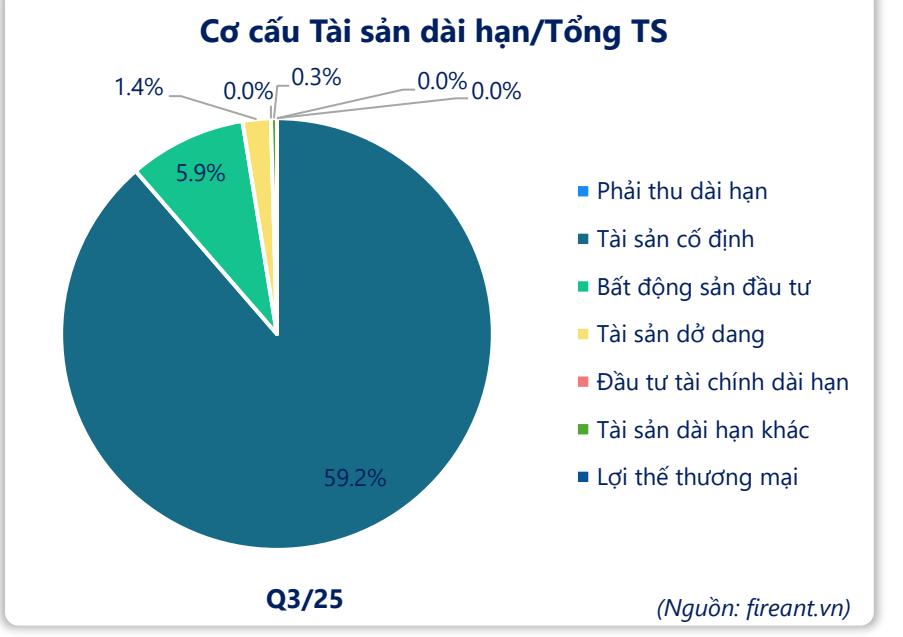
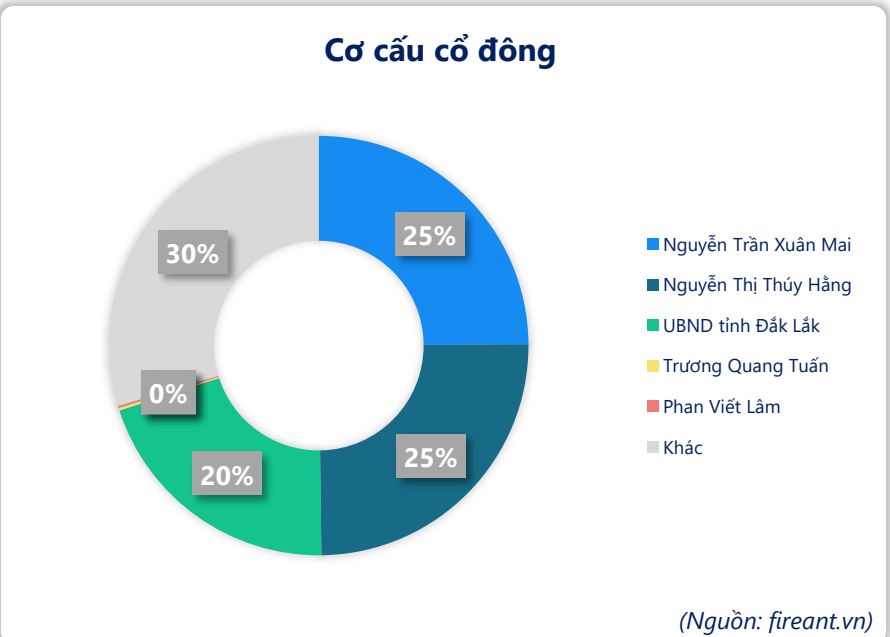
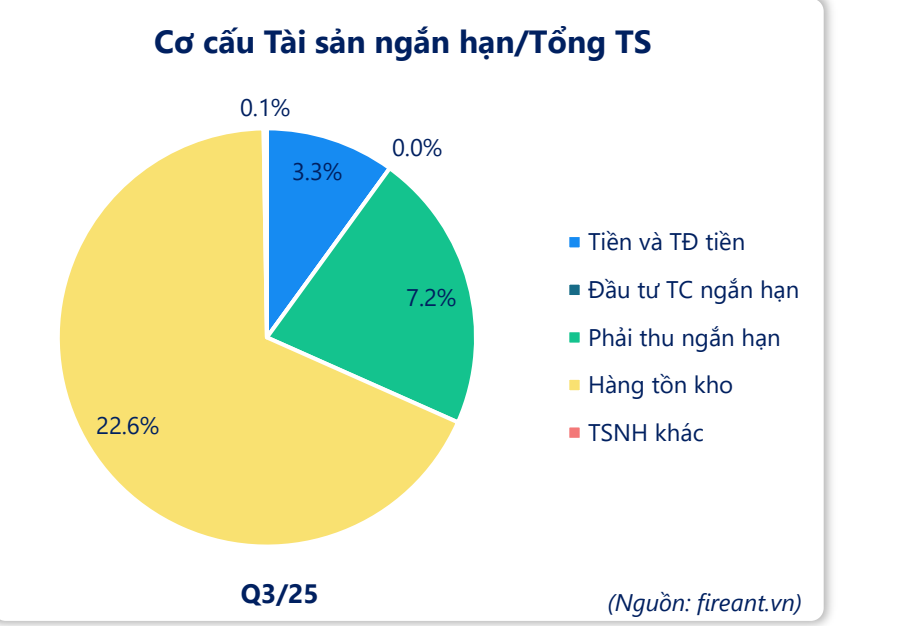
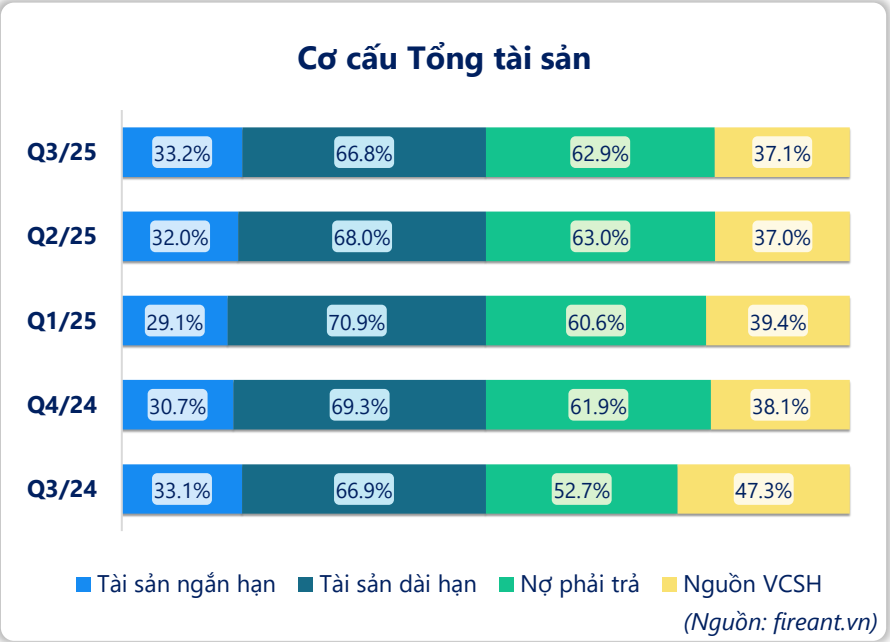
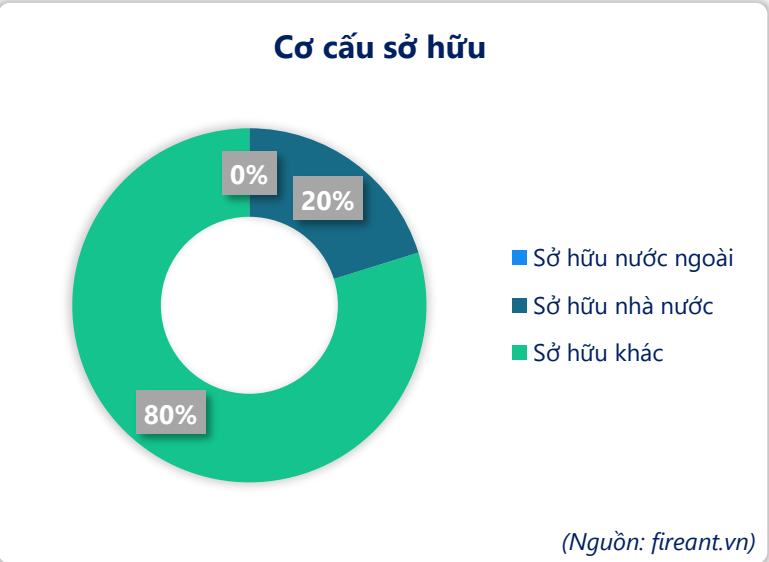
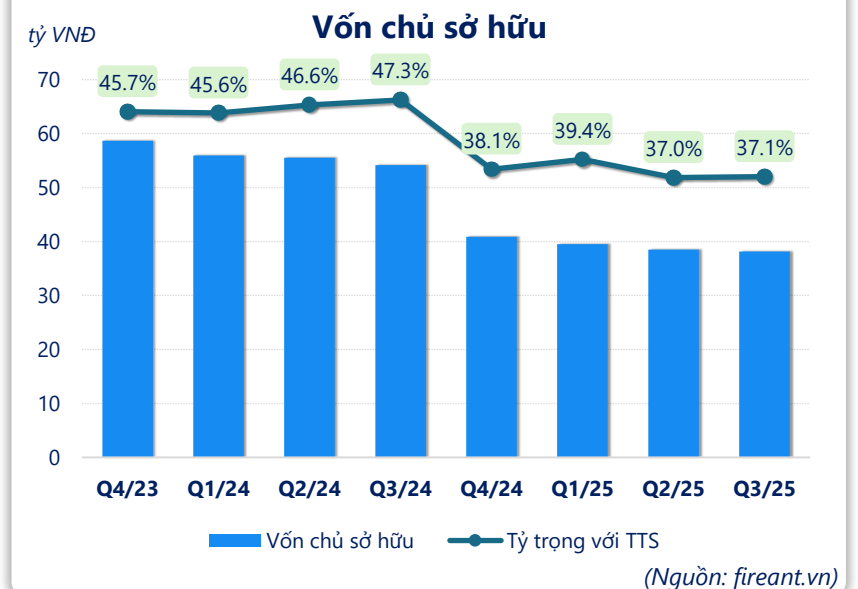
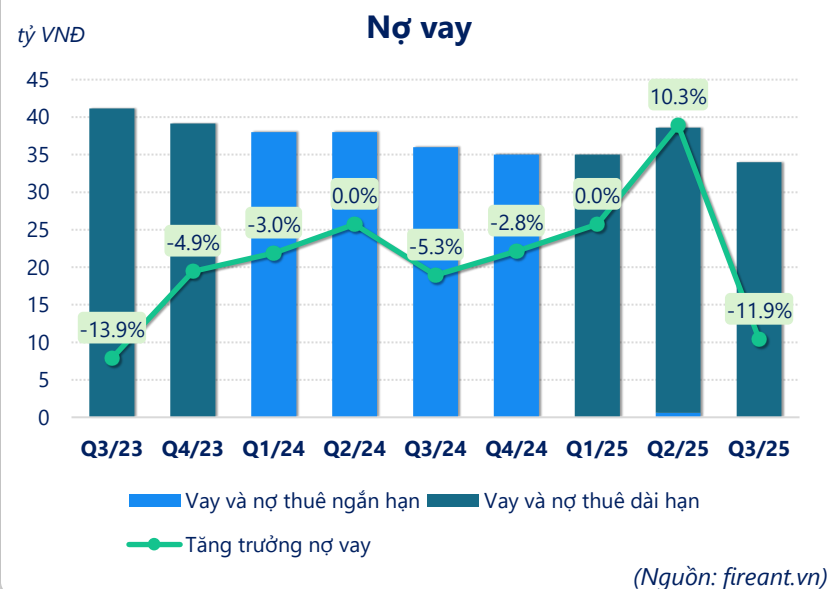
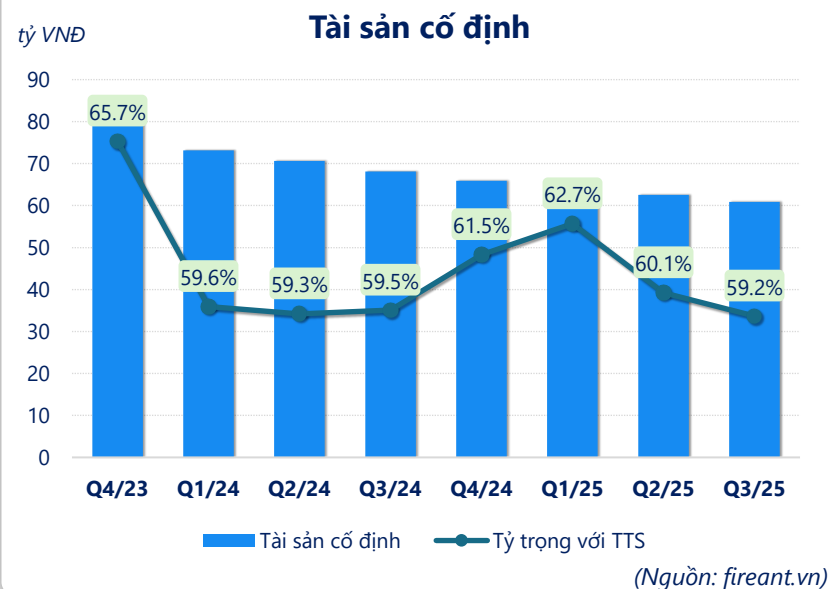
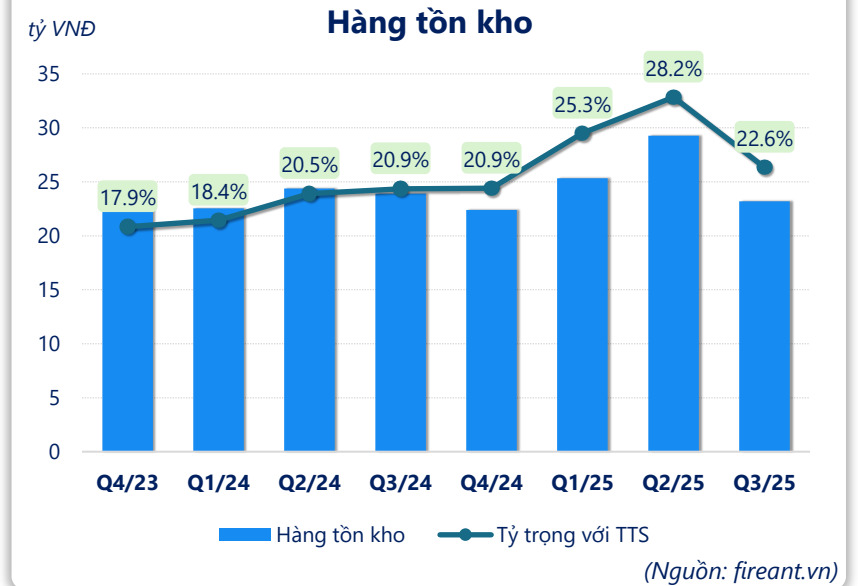
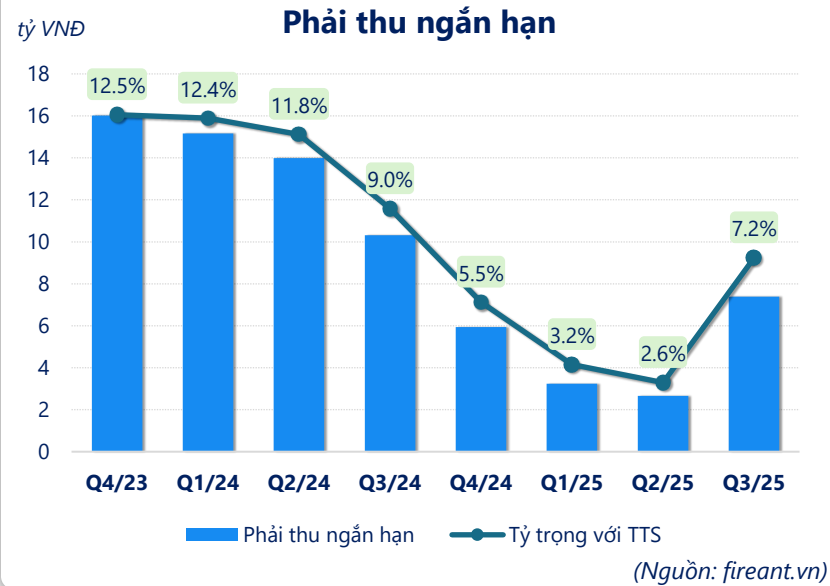
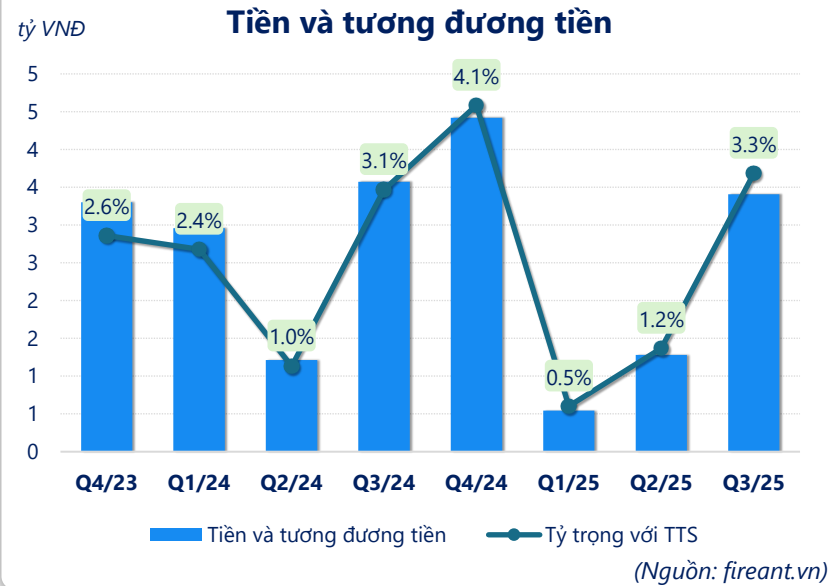


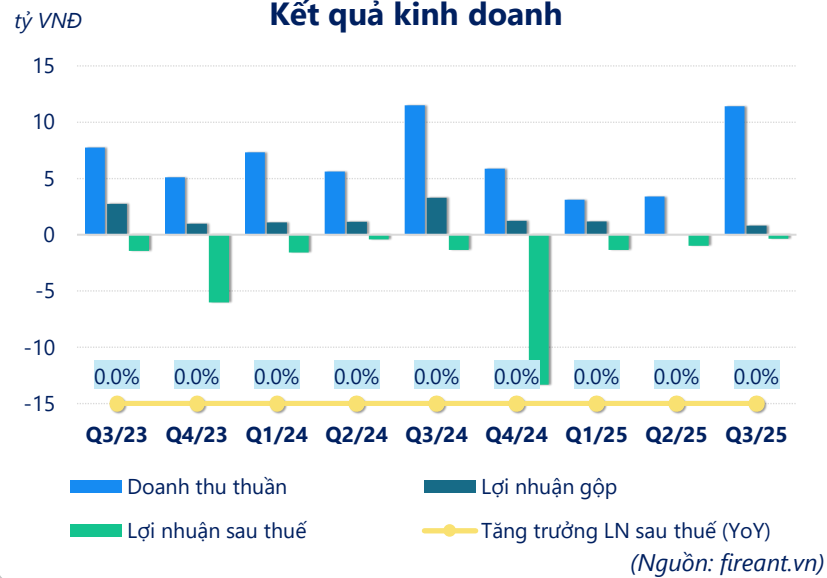
Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		6,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,600
SL cổ phiếu LH		23,627,990
KLGD BQ 20 phiên (CP)		225
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		149
P/E		-9.3
EPS		-678

	YTD	1T	3T	6T
CPA	-12.5%	-6.0%	-14.9%	-24.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

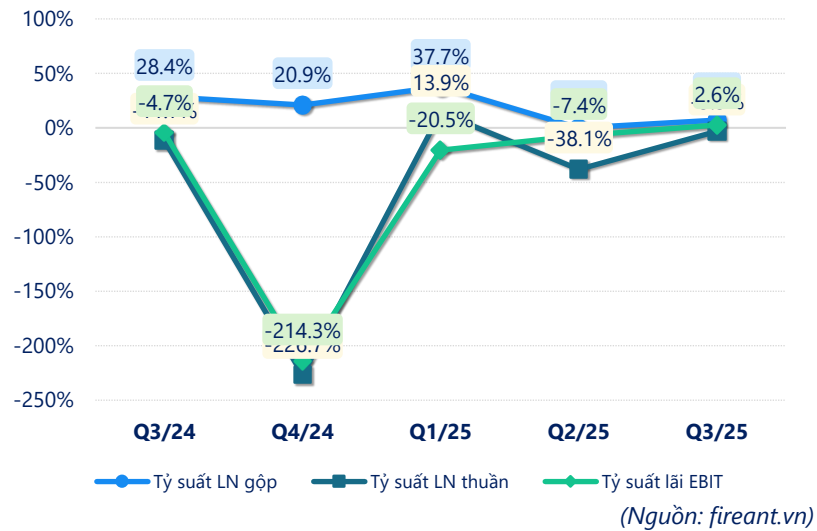




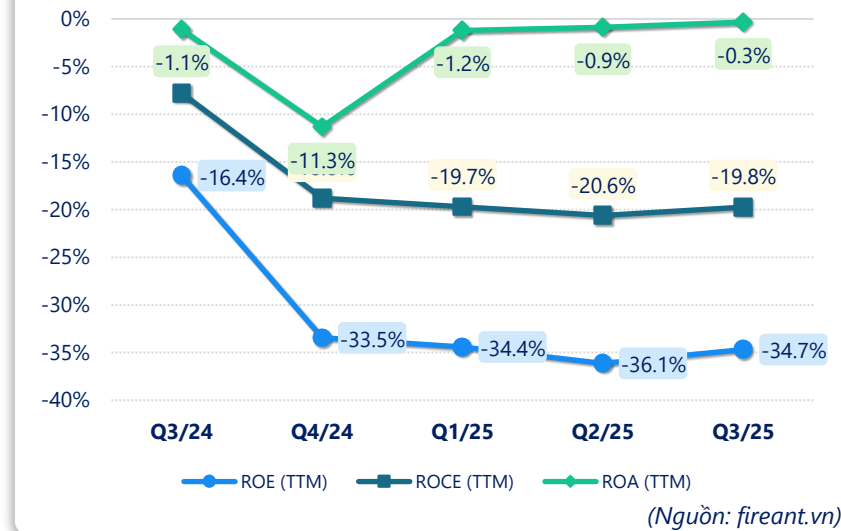
Kết quả kinh doanh



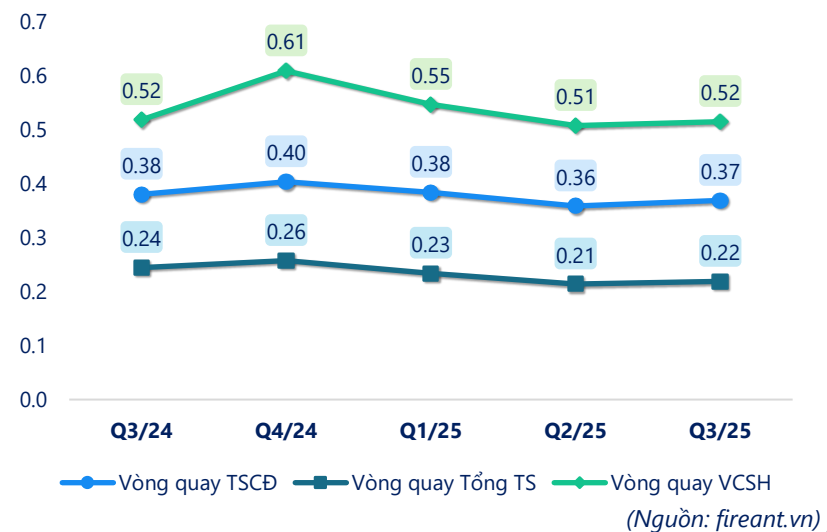
Tỷ suất lợi nhuận



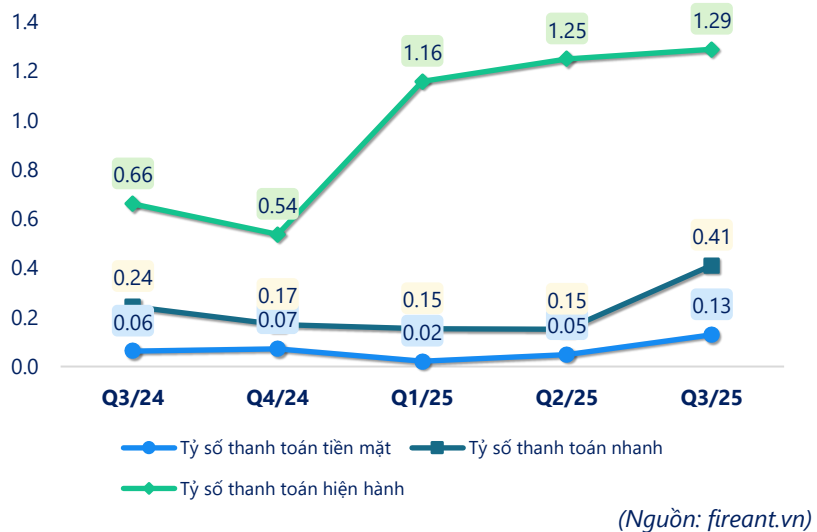
Tỷ suất sinh lợi



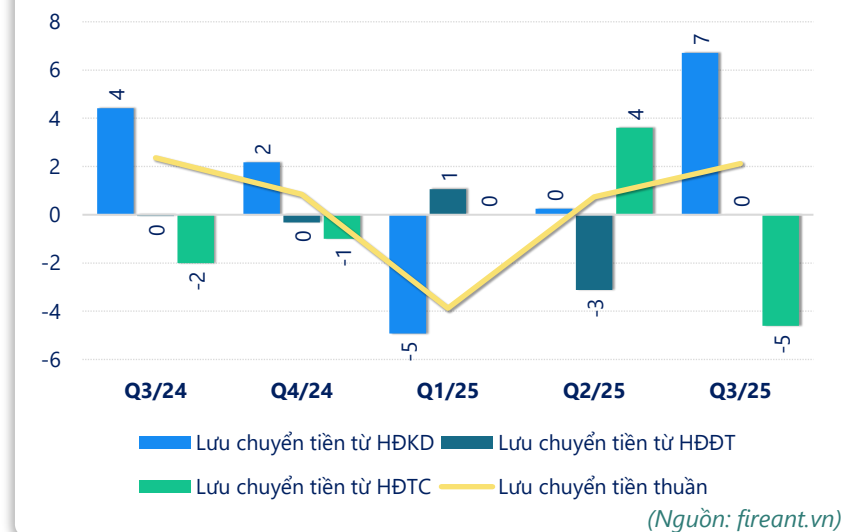
Vòng quay tài sản



Chỉ số thanh khoản



Lưu chuyển tiền



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	103	103	-0.7%
Tài sản ngắn hạn	34.1	29.2	16.8%
Tiền và tương đương tiền	3.41	4.42	-22.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	7.38	2.26	227%
Hàng tồn kho	23.2	22.4	3.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.09	0.09	-4.3%
Tài sản dài hạn	68.7	74.3	-7.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	60.9	65.9	-7.6%
Bất động sản đầu tư	6.05	6.62	-8.7%
Tài sản dở dang	1.45	1.35	7.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.31	0.41	-24.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	64.6	62.6	3.2%
Nợ ngắn hạn	26.5	24.6	7.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.80	3.55	-77.5%
Nợ dài hạn	38.1	37.9	0.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	34.0	35.0	-2.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	38.2	40.9	-6.6%
Vốn chủ sở hữu	38.2	40.9	-6.6%
Vốn điều lệ	236	236	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	11.5	5.87	3.11	3.39	11.4
Giá vốn hàng bán	8.22	4.64	1.94	3.40	10.6
Lợi nhuận gộp	3.27	1.23	1.17	0.00	0.81
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	0.20	-0.19	0.00
Chi phí TC	0.80	0.73	0.71	0.74	0.65
Chi phí lãi vay	0.80	0.73	0.71	0.74	0.65
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.09	0.14	0.11	0.10	0.10
Chi phí QLDN	3.72	13.7	0.13	0.26	0.43
LN thuần từ HĐKD	-1.34	-13.3	0.43	-1.29	-0.38
Lợi nhuận khác	0	0.00	-1.78	0.30	0.01
LN trước thuế	-1.34	-13.3	-1.35	-0.99	-0.36
Lợi nhuận sau thuế	-1.34	-13.3	-1.35	-0.99	-0.36
LNST của CĐ cty mẹ	-1.34	-13.3	-1.35	-0.99	-0.36

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.42	2.17	-4.93	0.25	6.72
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.06	-0.32	1.05	-3.11	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.00	-1.00	0	3.60	-4.60
Tiền đầu kỳ	1.21	3.57	4.42	0.54	1.28
Lưu chuyển tiền thuần	2.36	0.84	-3.87	0.74	2.13
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.57	4.42	0.54	1.28	3.41

(Nguồn: fireant.vn)